Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 01 năm 2014

Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ
QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT
(VCAMBF)

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2014)

Bản cáo bạch này được cập nhật lần thứ VI và có hiệu lực kể từ ngày 30/05/2019

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Phòng 2303, Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông : Cung Trần Việt

Chức vụ : Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Địa chỉ : Phòng 2303, Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028)38239909 Fax : (028)38246329

Email : vcambf@vietcapital.com.vn

Website : www.vietcapital.comvn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5

1. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt 5

2. Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 5

II. CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA 6

III. THÔNG TIN CHUNG VỀ VCAMBF 10

1. Tóm tắt thông tin quỹ 10

2. Tóm tắt điều khoản về giao dịch Chứng chỉ Quỹ 10

IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ 11

1. Rủi ro thị trường 12

2. Rủi ro lãi suất 12

3. Rủi ro lạm phát 12

4. Rủi ro thiếu tính thanh khoản 12

5. Rủi ro biến động thị trường 12

6. Rủi ro tín dụng 12

7. Rủi ro pháp lý 13

8. Rủi ro tín nhiệm 13

9. Rủi ro hạn chế đầu tư 13

10. Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro 13

11. Rủi ro xung đột lợi ích 13

V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 14

1. Cơ hội đầu tư vào quỹ mở 14

2. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam và thị trường tài chính Việt Nam 14

VI. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ VCAMBF 15

1. Căn cứ pháp lý 15

2. Mục tiêu đầu tư 16

3. Chiến lược đầu tư 16

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư 16

5. Tài sản được phép đầu tư theo luật định 16
6. Hạn chế đầu tư 17
7. Quy trình quản lý rủi ro đầu tư 19
8. Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo 20
a) Chi tiết đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) 20
9. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng 23
10. Công bố giá trị tài sản ròng 29
11. Các loại phí hay giá dịch vụ và chi phí 29
12. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế 31
13. Đội ngũ quản lý đầu tư Quỹ 32
14. Ban Đại diện Quỹ 33
15. Cập nhật tình hình Quỹ VCAMBF 34
VII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 35
1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ 35
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý Quỹ 38
VIII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 39
IX. CÔNG TY KIỂM TOÁN 39
X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ 39
XI. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN 40
1. Tổ chức được ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 40
2. Tổ chức được ủy quyền: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam 40
XII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ VCAMBF 40
1. Chương I: Các điều khoản chung 40
2. Chương II: Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư 40
3. Chương III: Nhà Đầu tư, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ 41
4. Chương IV: Đại hội Nhà Đầu tư 41
5. Chương V: Ban Đại diện Quỹ và Hội đồng Đầu tư 43
6. Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ 44
7. Chương VII: Ngân hàng Giám sát 45

8. Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 47
9. Chương IX: Đại lý phân phối 47
10. Chương X: Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo 47
11. Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ 48
12. Chương XII: Lợi nhuận, chi phí quản lý và phân phối lợi nhuận 48
13. Chương XIII: Tái cơ cấu Quỹ 48
14. Chương XIV: Giải quyết các xung đột về lợi ích 49
15. Chương XV: Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung Điều lệ 49
XIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 50
XIV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 50
XV. QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ 50
XVI. CAM KẾT 51
PHỤ LỤC 1 : CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 52
1. Kinh tế và môi trường đầu tư năm 2018 52
2. Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2018 57

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Bà Nguyễn Thanh Phượng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Cung Trần Việt Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Đại diện: Bà Trần Thị Kim

Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh

Ngân hàng giám sát chỉ chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến các dịch vụ do ngân hàng cung cấp.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng Khoán Bản Việt. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ VCAMBF xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong Bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng Khoán Bản Việt là công ty quản lý quỹ của Quỹ VCAMBF và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

"**Quỹ**"	có nghĩa là Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (VCAMBF), một Quỹ đầu tư cân bằng dạng Quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011 (sau đây gọi chung là "Luật Chứng khoán" và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.
"**Công ty Quản lý Quỹ**"	có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("VCAM"), một công ty được thành lập theo giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/10/2006 hoặc bất kỳ Công ty quản lý Quỹ nào khác được chỉ định thay thế. VCAM được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt.
"**Ngân hàng Giám sát**"	có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("BIDV"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 05 năm 2003 hoặc bất kỳ Ngân hàng Giám sát nào khác được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện.
"**Công ty Kiểm toán**"	có nghĩa là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
"Đại lý phân phối"	có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ, được nêu rõ tại Bản Cáo Bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối

	Chứng chỉ Quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ Quỹ VCAMBF"	là bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư cân bằng Bản Việt, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.
"Nhà Đầu tư"	là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội Nhà Đầu tư"	là Đại hội của các Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường.
"Ban Đại diện Quỹ"	là những người đại diện cho các Nhà Đầu tư, được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
"Hội đồng Đầu tư"	là những chuyên gia được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn để giúp Công ty Quản lý Quỹ xem xét và cho ý kiến trước khi Công ty Quản lý Quỹ ra các quyết định đầu tư.
"Vốn Điều lệ Quỹ"	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
"Đơn vị Quỹ"	là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư VCAMBF"	(sau đây gọi là "Chứng chỉ") là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu.
"Giá phát hành"	là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn

	vị Quỹ cộng thêm phí hay giá dịch vụ phát hành.
"Giá mua lại"	là mức giá mà Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi phí hay giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Bản cáo bạch này.
"Phí quản lý Quỹ" hay "Giá dịch vụ quản lý Quỹ"	là phí hay giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Mục VI.11.b Bản Cáo Bạch.
"Phí phát hành/phí mua lại" hay "Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại"	là phí hay giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ hợp lệ.
"Cổ tức Quỹ"	có nghĩa là khoản lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
"Năm tài chính"	là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	có nghĩa là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày trước Ngày định giá.
"Ngày định giá"	là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Mục VI.9 Bản Cáo bạch.
"Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ"	là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành, mua lại và chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ.
"Ngày"	Đối với các thời hạn quy định đến năm (05) ngày, được hiểu là ngày làm việc theo dương lịch, trừ các ngày thứ bẩy, chủ nhật, và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật. Đối với các thời hạn quy định trên năm (05) ngày, được hiểu là ngày theo dương lịch.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện giao dịch.
"**Người có Liên quan**"	có nghĩa là khái niệm "người có liên quan" được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11

	ngày 29/06/2006.
"**UBCKNN**"	có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Luật Chứng khoán"	là Luật số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006, và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011.

III. THÔNG TIN CHUNG VỀ VCAMBF

1. Tóm tắt thông tin quỹ

Tên quỹ bằng tiếng Việt	Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt
Tên quỹ bằng tiếng Anh	Viet Capital Balanced Fund
Tên viết tắt	VCAMBF
Loại hình quỹ	Quỹ mở cân bằng
Mục tiêu đầu tư	Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định
Chính sách cổ tức	Cổ tức nhận được bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu
Giấy chứng nhận IPO	02/GCN-UBCK ngày 10/01/2014
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập	11/GCN-UBCK ngày 15/05/2014; Giấy chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK ngày 02/04/2019
Thời hạn hoạt động	Không giới hạn

2. Tóm tắt điều khoản về giao dịch Chứng chỉ Quỹ

a) Hạn mức tối thiểu

- Giá trị mua tối thiểu : 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng)

b) Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Ngày T)

- Ngày giao dịch: Chứng chỉ Quỹ VCAMBF được giao dịch hai (02) lần/một (01) tháng vào ngày Thứ Sáu thứ nhất và Thứ Sáu thứ ba của tháng.
- Trường hợp ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang Thứ Sáu của tuần kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý phân phối, các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng.

c) Phương thức thực hiện giao dịch

- Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Nhà Đầu tư mở tài khoản đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư (tài khoản của Nhà Đầu tư) khi giao dịch qua Đại lý phân phối.
- Lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm :

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư;
- Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, phải xác nhận lại với Nhà Đầu tư trước khi thực hiện, đồng thời yêu cầu Nhà Đầu tư cung cấp phiếu lệnh gốc có chữ ký của Nhà Đầu tư trong vòng hai (02) ngày để lưu giữ bằng chứng về việc đặt lệnh của Nhà Đầu tư.

- Danh sách và địa điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối được nêu tại trang mở đầu của Bản Cáo Bạch. Chi tiết giao dịch mua/bán Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư theo dõi tại Mục 8, Phần VI của Bản Cáo Bạch này.

d) Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện lệnh trong Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- Thời điểm đóng sổ lệnh : là 10h sáng ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

e) Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Giá mua một (01) Đơn vị Quỹ (giá Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ) :

  Giá mua = Giá trị tài sản ròng trên một (01) Đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ + Giá dịch vụ phát hành.

  Giá dịch vụ phát hành bằng 0,5% trên tổng giá trị đăng ký mua.

- Giá bán lại một (01) Đơn vị Quỹ (giá Công ty Quản lý Quỹ thanh toán cho Nhà Đầu tư) :

  Giá bán = Giá trị tài sản ròng trên một (01) Đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ - Giá dịch vụ mua lại.

  Giá dịch vụ mua lại bằng 0,5% trên giá trị đăng ký bán.

  Nhà Đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị đăng ký bán sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.

f) Thời gian xác nhận giao dịch

- Đại lý phân phối gửi thông báo xác nhận cho Nhà Đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

g) Thời gian thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư

- Trong vòng bảy (07) ngày kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ chuyển khoản thanh toán cho Nhà Đầu tư.

IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được bất kỳ một sự cam kết bảo lãnh bởi một tổ chức nào, cũng như không có bất kỳ sự cam kết chắc chắn nào từ Công ty Quản lý Quỹ rằng Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Do đó, các Nhà Đầu tư tiềm năng nên cân nhắc thật

kỹ những yếu tố rủi ro của Quỹ, cùng với các thông tin được đề cập trong Bản cáo bạch này. Phải thừa nhận rằng, Công ty Quản lý Quỹ đã tối thiểu hóa rủi ro bằng một danh mục đầu tư đa dạng, nhưng vẫn có những rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ sau đây:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này không thể hạn chế bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và mang tính hệ thống, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ. Rủi ro này xuất phát từ những biến động chung của toàn nền kinh tế, chính trị xã hội, ảnh hưởng đến tất cả các ngành nghề kinh tế, từ đó gây ra sự biến động của toàn thị trường chứng khoán, không loại trừ bất kỳ công cụ đầu tư nào.

2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là loại rủi ro xuất hiện khi có sự thay đổi của lãi suất thị trường hoặc những yếu tố có liên quan đến lãi suất, xuất phát từ cung cầu tiền tệ cùng nhiều yếu tố vĩ mô khác, dẫn đến nguy cơ biến động định giá của trái phiếu, các công cụ nợ; cũng như ảnh hưởng gián tiếp đến giá các cổ phiếu đang được Quỹ nắm giữ. Sự thay đổi về lãi suất kỳ vọng làm ảnh hưởng đến giá trị của các khoản đầu tư, qua đó làm thay đổi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

3. Rủi ro lạm phát

Một điều lý tưởng trong hoạt động của Quỹ đầu tư là đem lại lợi nhuận vượt quá tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát tăng cao làm giá trị đồng tiền suy giảm cũng như giá trị của các khoản đầu tư suy giảm. Lạm phát tăng, làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn tới giá trái phiếu giảm thấp hơn; trong khi đó, hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp sẽ chịu chi phí lãi vay cao hơn khiến lợi nhuận sụt giảm phần nào. Do đó rủi ro lạm phát có thể dẫn đến lợi nhuận của Quỹ thu được thấp hơn so với tỷ lệ lạm phát ở thời điểm đó.

4. Rủi ro thiếu tính thanh khoản

Rủi ro thanh khoản hàm ý mức độ dễ dàng hay khó khăn khi mua hoặc bán lại Chứng chỉ quỹ. Quỹ đầu tư dạng mở có có ưu điểm lớn về thanh khoản so với Quỹ đóng là Chứng chỉ Quỹ dạng mở được giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một tháng. Tuy nhiên, số lượng mà Quỹ có thể mua lại vào ngày giao dịch vẫn bị một số hạn chế theo quy định của pháp luật để đảm bảo hoạt động ổn định của Quỹ.

5. Rủi ro biến động thị trường

Rủi ro biến động giá thị trường xảy ra khi giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm do các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Sự sụt giảm của các chỉ số trên thị trường sẽ làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Quỹ. Tuy nhiên, các loại cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ phải đảm bảo các chỉ số cơ bản nằm trong giới hạn an toàn nên mức độ giảm giá cũng ít hơn so với các hàng hóa khác.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra với các khoản đầu tư vào trái phiếu và các công cụ nợ khác. Rủi ro này thường phát sinh khi các bên phát hành công cụ nợ mất khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ (nợ lãi, nợ gốc và các khoản nợ khác) đối với các khoản mà Quỹ đầu tư vào.

VCAMBF là quỹ đầu tư tập trung vào các công cụ nợ, do đó rủi ro này được Công ty Quản lý Quỹ đặc biệt chú trọng và có thể giảm thiểu bằng việc phân tích toàn diện trước khi quyết định đầu tư cũng như lựa chọn các công cụ nợ có bảo lãnh thanh toán của Chính Phủ, Bộ Tài Chính hoặc các Ngân hàng thương mại lớn.

7. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới chính thức đi vào hoạt động từ năm 2000 và khung pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán còn đang trong quá trình hoàn thiện. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới. Những sự thay đổi về khung pháp lý trong thời gian hoạt động của Công ty là không thể tránh khỏi và có thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Quỹ.

Tuy nhiên, việc Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007, cùng các Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán bao gồm Nghị định 58/2012/NĐ-CP ban hành ngày 20/07/2012 và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015; Thông tư 212/2012/TT-BTC hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ ban hành ngày 05/12/2012; Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn thành lập Quỹ mở ban hành ngày 16/12/2011, Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC ban hành ngày 20/01/2016 và các quy định pháp lý liên quan khác sẽ tạo dựng một khung pháp lý ổn định và hoàn thiện hơn cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, Quỹ đầu tư và quản lý Quỹ.

Đồng thời, rủi ro pháp lý của Quỹ cũng sẽ được giảm thiểu do Quỹ dự kiến sẽ thuê các công ty luật có uy tín để tư vấn pháp lý cho các hoạt động của Quỹ.

8. Rủi ro tín nhiệm

Mức độ rủi ro tín nhiệm của trái phiếu được đánh giá dựa trên các yếu tố kinh tế và khả năng hoàn trả lãi và gốc trái phiếu của nhà phát hành. Rủi ro tín nhiệm được thể hiện qua hệ số tín nhiệm, hệ số tín nhiệm do các công ty đánh giá tín nhiệm ấn định. Hệ số tín nhiệm càng cao thì trái phiếu được coi là càng an toàn.

9. Rủi ro hạn chế đầu tư

Theo quy định của pháp luật, đối với đầu tư vào cổ phiếu, Quỹ mở chỉ được phép đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch. Do đó, sự chậm trễ trong quá trình cổ phần hóa, niêm yết sẽ giảm tính đa dạng hóa, hạn chế cơ hội tiếp cận giá tốt cũng như cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp tốt. Trong khi đó, thị trường trái phiếu Việt Nam vẫn còn hạn chế đối tượng phát hành, tần suất phát hành cũng như tính đa dạng và kỳ hạn sản phẩm. Do đó, Công ty Quản lý Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc lựa chọn tài sản và đa dạng hóa danh mục theo chiến lược đã xác định.

10. Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ mở có thể sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, thị trường phái sinh mới đi vào hoạt động, chưa phát triển nên cơ hội sử dụng các sản phẩm của thị trường này để phòng ngừa rủi ro còn hạn chế.

11. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý Quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các Quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý Quỹ điều hành. Công ty quản lý Quỹ đã thiết lập quy chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ, quy trình đầu tư cũng như bộ phận quản lý danh mục đầu tư riêng biệt cho từng Quỹ nhằm hạn chế xung đột lợi ích giữa các Quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của ngân hàng giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này.

Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về các rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Các Nhà đầu tư tiềm năng cần cân nhắc kỹ hoặc tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Cơ hội đầu tư vào quỹ mở

Hoạt động theo mô hình quỹ mở, VCAMBF mang lại các ưu điểm vượt trội như sau:

- *Thanh khoản:* khi có nhu cầu, Nhà Đầu tư có thể yêu cầu Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ với giá bằng với Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ.

- *Danh mục đầu tư đa dạng với vốn đầu tư linh hoạt:* Nhà Đầu tư có thể tham gia đầu tư với số vốn linh hoạt (đảm bảo trên mức tối thiểu của Quỹ quy định) và sở hữu một danh mục đầu tư đa dạng. So với tự đầu tư riêng lẻ, Nhà Đầu tư sẽ có cơ hội sở hữu nhiều chứng khoán thuộc các ngành khác nhau với rủi ro phân tán và chi phí hợp lý.

- *Quản lý chuyên nghiệp:* Danh mục của Quỹ được quản lý bởi các chuyên gia đầu tư giàu chuyên môn, kinh nghiệm và nguồn lực, liên tục theo sát thị trường và chủ động điều chỉnh danh mục phù hợp với định hướng đầu tư và khẩu vị rủi ro của Quỹ.

- *Minh bạch thông tin:* Giá trị tài sản ròng của Quỹ được định giá hàng tuần bởi một đơn vị định giá độc lập là Ngân hàng Giám sát, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và được công bố công khai tới Nhà Đầu tư.

2. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam và thị trường tài chính Việt Nam

Kinh tế Việt Nam được đánh giá là đang đứng trước một chu kỳ tăng trưởng dài và bền vững với các yếu tố vĩ mô diễn biến tích cực như GDP duy trì mức tăng trưởng khá, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi suất và ngoại hối được giữ ổn định, thu hút đầu tư liên tục ghi nhận các kỷ lục mới, … (Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam được cập nhật chi tiết tại PHỤ LỤC 1 của Bản Cáo Bạch này).

Các yếu tố vĩ mô tích cực đã tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển đa dạng của các kênh đầu tư, trong đó điểm nhấn thuộc về thị trường chứng khoán. Số lượng hàng hóa tăng lên cùng với chất lượng, tính thanh khoản của toàn thị trường, mức độ minh bạch thông tin, sự tham gia của dòng vốn ngoại, … đã tạo nên sức hút đặc biệt cho thị trường này. Đồng thời, kỳ vọng từ tiến trình cổ phần hóa các Doanh nghiệp Nhà nước với chủ trương thoái vốn đầu tư ngoài ngành của các Tổng công ty Nhà nước là thông tin hỗ trợ đặc biệt và mang lại các cơ hội đầu tư tốt. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, lạm phát được kiểm soát ổn định, lợi nhuận kỳ vọng từ cổ phiếu được xem là hấp dẫn so với các kênh đầu tư truyền thống như tiền gửi có kỳ hạn hay bất động sản.

VI. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ VCAMBF

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý Quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 05/2014/TT-NHNN ngày ngày 12 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông Tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

3. Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (cả cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.
- Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

  Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom Up Approach" trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá:

  Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ và trái phiếu:

  Lựa chọn các công cụ nợ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với đường cong lãi suất.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu:

  Lựa chọn các cổ phiếu có giá trị cơ bản, tiềm năng tăng trưởng và tỷ suất cổ tức hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận.

5. Tài sản được phép đầu tư theo luật định

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

- Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Các loại trái phiếu Chính phủ; Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp quỹ đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; đồng thời phải có cam kết của tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

6. Hạn chế đầu tư

a) Hạn chế đầu tư của Quỹ VCAMBF

(i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

(ii) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;

(iii) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết; trái phiếu chuyển đổi;

(iv) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

(v) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

(vi) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

(vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

(viii) Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(ix) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

b) Trường hợp cơ cấu đầu tư được phép sai lệch

- Trừ trường hợp quy định tại điểm a, mục (vii), (viii) và (ix) ở trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế trên chỉ do các nguyên nhân sau:
  - Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
  - Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
  - Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
  - Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm các tổ chức phát hành;
  - Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
  - Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định ở trên trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
- Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được vào Quỹ.

c) Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký Quỹ

- Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

- Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

7. Quy trình quản lý rủi ro đầu tư

VCAM đo lường và quản lý rủi ro dựa trên phương pháp tiếp cận năng động và hướng về tương lai. Quản lý rủi ro được quy định tích hợp trong mỗi bước của quy trình đầu tư:

- Thiết lập mô hình định giá: Thông qua việc lựa chọn các loại chứng khoán không tương quan với nhau, VCAM tăng cường đa dạng hóa danh mục đầu tư và giảm rủi ro của toàn bộ danh mục.
- Dự đoán rủi ro: Thông qua việc sử dụng kết hợp phương pháp đo lường biến động của tài sản kỳ hạn dài hơn và ngắn hơn, VCAM quản lý và kiểm soát được rủi ro các sự kiện xảy ra bất thường trong tương lai.
- Xây dựng danh mục: Rủi ro được nhận diện và quản lý ở toàn danh mục, ở từng loại tài sản và ở từng thị trường cá biệt. Điều này giúp đảm bảo danh mục đáp ứng được mức biến động đã được thiết lập và xây dựng một danh mục không quá tập trung.
- Giám sát thường xuyên: VCAM quản lý rủi ro một cách tích cực thông qua việc:
    - Giảm sự biến động của danh mục nếu danh mục vượt qua mức giới hạn được quy định bởi Công ty (khác giới hạn đầu tư của danh mục).
    - Giảm rủi ro của từng tài sản nếu mức độ vượt qua độ lệch chuẩn thông thường.
    - Phân bổ lại rủi ro theo hướng đã được quy định trước.

Trong các hoạt động hàng ngày, tất cả các quyết định đầu tư đều phải được phê duyệt bởi Hội đồng đầu tư (Chi tiết danh sách các thành viên Hội đồng đầu tư của Quỹ xem ở Mục 1.c, Phần VII Bản Cáo bạch này). Một số giới hạn được đặt ra trong quá trình xem xét khoản đầu tư để rủi ro trong danh mục mục tiêu được phân bổ hợp lý giữa các loại tài sản, ngành nghề và không quá tập trung. Dự báo rủi ro được xây dựng dựa trên mức thu nhập quá khứ của tài sản và khả năng dự báo gần đây của mô hình lợi nhuận kỳ vọng. Điều này có nghĩa là một mức bù rủi ro sẽ được đưa thêm cho tài sản/ ngành/ thị trường có mức thu nhập lớn hơn mức biến động kỳ vọng theo dự đoán của VCAM.

Các quyết định đều được kiểm tra bởi Cán bộ Tuân thủ Đầu tư để đảm bảo không vượt quá các giới hạn đầu tư và không gây ra xung đột lợi ích với Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và của pháp luật.

Giao dịch tài sản của Quỹ tại bộ phận giao dịch được thực hiện theo quyết định của Hội đồng đầu tư và được giám sát thường xuyên bởi Cán bộ Tuân thủ đầu tư để không xảy ra giao dịch vượt quá giới hạn cho phép.

Ngoài ra, các cuộc kiểm toán nội bộ hàng năm được tổ chức nhằm xem xét, kiểm soát các chính sách, thủ tục bao gồm các hệ thống, quy trình, thủ tục quản lý danh mục và các dịch vụ được cung cấp bởi bên thứ ba.

8. Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo

a) Chi tiết đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO)

Số lượng đăng ký chào bán	Tối thiểu 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ
Mệnh giá	10.000 đồng/Chứng chỉ Quỹ
Giá phát hành (mệnh giá + giá dịch vụ phát hành)	10.050 đồng/Chứng chỉ Quỹ
Thời gian phát hành	17/02/2014 – 11/04/2014
Tổng số đơn vị Chứng chỉ Quỹ đã phân phối	5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ, chiếm 108,63% tổng số đơn vị Chứng chỉ Quỹ được phép chào bán
Tổng số vốn thu được từ việc phát hành Chứng chỉ Quỹ	54.314.089.552 đồng
Tổng số Nhà đầu tư	125

Quỹ đã đáp ứng đủ các điều kiện lập quỹ theo quy định của pháp luật, đặc biệt là tổng lượng đầu tư của quỹ phải trên 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng) và có ít nhất 100 (một trăm) nhà đầu tư không chuyên nghiệp. Theo đó, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 11/GCN-UBCK cho VCAMBF vào ngày 15/05/2014. Ngày giao dịch đầu tiên của Quỹ VCAMBF là 20/06/2014.

b) Giao dịch mua

- Giá trị mua tối thiểu: 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng).
- Nhà Đầu tư phải có tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ trước khi đặt lệnh mua. Việc đăng ký mở tài khoản được thực hiện tại các Đại lý phân phối.
- Nhà Đầu tư gửi Phiếu đăng ký mua đã điền đầy đủ thông tin kèm các chứng từ hợp lệ xác nhận Nhà Đầu tư đã chuyển tiền vào Tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Số tiền trên chứng từ (giấy chuyển tiền) phải khớp với giá trị đăng ký trên phiếu đặt lệnh mua. Nhà Đầu tư chuyển khoản tiền mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp từ tài khoản đứng tên Nhà Đầu tư, phí chuyển khoản do Nhà Đầu tư chịu.
- Nhà Đầu tư nước ngoài cần tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và tự chịu trách nhiệm trong việc chuyển khoản từ tài khoản "góp vốn mua cổ phần" hợp pháp của mình để đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ cũng như đăng ký chính tài khoản này là tài khoản thụ hưởng để nhận các khoản tiền thanh toán có liên quan từ Quỹ.
- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu tư được hưởng lợi.

- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua x (1- Giá dịch vụ phát hành(\%))}}{\text{NAV của Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch}}$$

  Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

- Thời gian xác nhận giao dịch: Đại lý phân phối sẽ chuyển xác nhận đăng ký mua tới Nhà Đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua đồng thời là xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư mua được.
- Trong trường hợp tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ nhiều hơn số tiền đăng ký giao dịch, số tiền chênh lệch sẽ được hoàn trả vào tài khoản thụ hưởng của Nhà Đầu tư đăng ký trên phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, phí chuyển tiền sẽ do Nhà Đầu tư chịu.
- Lệnh mua của Nhà Đầu tư không hợp lệ trong các trường hợp sau:
  - Đến 10h00 sáng ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ đã chuyển vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị đăng ký mua hoặc Quỹ không nhận được tiền;
  - Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nộp bằng tiền mặt;
  - Trong trường hợp lệnh mua của Nhà Đầu tư không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ này sẽ được chuyển trả ngược lại vào tài khoản chuyển đến trong vòng bảy (07) ngày kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T+7), phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này hoặc số tiền mua này được sử dụng cho kỳ giao dịch tiếp theo nếu Nhà Đầu tư đưa chỉ thị mua.

c) Giao dịch bán

- Nhà Đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán.
- Số lượng Đơn vị Quỹ mà Nhà Đầu tư đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Nhà Đầu tư có thể đặt lệnh bán toàn bộ hoặc một phần số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ .
- Phiếu đăng ký bán phải được nộp tại địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ của Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà Đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị đăng ký bán sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.

  *Giá trị đăng ký bán = Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán hợp lệ * Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ - Giá dịch vụ mua lại.*

- Thời gian xác nhận giao dịch: Được Đại lý phân phối chuyển tới Nhà Đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- Thời gian thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ: Thời hạn thanh toán trong vòng bảy (07) ngày kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T+7).
- Lệnh bán của Nhà Đầu tư không hợp lệ trong các trường hợp sau:
  - Lệnh bán được gửi đến Đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh;
  - Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.

d) Thực hiện một phần lệnh giao dịch

Đáp ứng một phần của lệnh bán

- Theo quy định của pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán trong trong một số trường hợp sau:
  - Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi nếu có) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi nếu có) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% Giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
  - Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn tới: giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ đồng.
- Trong trường hợp lệnh bán chỉ được đáp ứng một phần, Công ty quản lý Quỹ áp dụng việc phân bổ lệnh bán theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: Tất cả các lệnh bán được ghép cùng với nhau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký mua giao dịch là như nhau để đảm bảo công bằng cho tất cả các Nhà Đầu tư.

  Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà Đầu tư có nhu cầu bán phải đăng ký trong các kỳ giao dịch tiếp theo.

e) Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
  - Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
  - Các sự kiện khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- Công ty quản lý Quỹ báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên.
- Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu tư, tùy thuộc vào tình hình thực tế, nhưng không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định , Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

f) Trường hợp chuyển nhượng phi thương mại

- Tặng cho Chứng chỉ Quỹ:
  - Bên cho tặng và bên được cho tặng nộp Đơn đề nghị cho tặng Chứng chỉ Quỹ tới Đại lý phân phối;
  - Nhà Đầu tư có thể cho tặng toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ hoặc một phần nhưng phải đảm bảo không làm cho số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi cho tặng thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) Đơn vị Quỹ.
- Thừa kế Chứng chỉ Quỹ:
  - Người được thừa kế Chứng chỉ Quỹ nộp đầy đủ các giấy tờ theo quy định của pháp luật về thừa kế gồm: Bản sao có chứng thực giấy chứng tử; Bản sao có chứng thực di chúc hoặc quyết định của tòa án; Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).
- Trong trường hợp bên được cho tặng, bên được thừa kế chưa có số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, bên được cho tặng, bên được thừa kế phải nộp đủ giấy tờ và làm thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Xác nhận giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được Đại lý phân phối chuyển tới Nhà Đầu tư trong vòng hai (02) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định.

9. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

- Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ
  - Ngày định giá :

    Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày Thứ Sáu hàng tuần. Nếu Ngày định giá nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì Ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

    Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của Quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà Đầu tư theo quy định hiện hành.
  - Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ

    Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại ngày trước Ngày định giá.

    Tại Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền gửi không kỳ hạn (VND)	Số dư tiền tại ngày trước Ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày định giá
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4	Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết - Trái phiếu Chính phủ	- Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán (HSX và HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiếu khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: + Giá xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu là lãi suất chiết khấu trung bình do (03) tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất nhưng không quá (02) tuần tính đến ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

6	Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương	- Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán (HSX và HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiếu khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.
7	Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	- Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên. - Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
8	Trái phiếu không niêm yết	- Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; + Theo phương pháp do Ban Đại diện Quỹ quyết định Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
Cổ phiếu		

9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 03 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 03 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
11	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 03 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

12	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
13	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.
15	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

16	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
17	Cổ phần, phần vốn góp khác	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày định giá
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 02 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
20	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
Các tài sản khác		
21	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
22	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ

Ghi chú:

Giới hạn chênh lệch: được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 0,5% trở lên so với lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất

VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính) đối với trái phiếu Chính phủ, và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên đối với trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

- Quy trình định giá tài sản Quỹ

  - Vào Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định trong Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
  - Đối với giá trái phiếu chưa niêm yết: Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
  - Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
  - Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

10. Công bố giá trị tài sản ròng

Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác cho Nhà Đầu tư.

11. Các loại phí hay giá dịch vụ và chi phí

a) Phí hay giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả

- Giá dịch vụ mua (Giá dịch vụ phát hành):

  Giá dịch vụ phát hành được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối. Giá dịch vụ phát hành trong các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ là 0,5%/tổng giá trị đăng ký mua.

- Giá dịch vụ bán (Giá dịch vụ mua lại):

Giá dịch vụ mua lại được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi Quỹ thanh toán cho Nhà Đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại là 0,5%/giá trị bán thực hiện được.

- Việc tăng các mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại chỉ được thực hiện khi có sự thông qua của Đại hội Nhà Đầu tư. Giá dịch vụ phát hành tối đa không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại tối đa không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

b) Phí hay giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

- Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ

  - Giá dịch vụ quản lý tài sản là 0,90% (không phẩy chín phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ.

  - Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

    Giá dịch vụ *quản lý = 0,9% * Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

- Phí hay giá dịch vụ lưu ký

  Phí hay giá dịch vụ lưu ký là 0,06% Giá trị Tài sản Ròng một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá và được trả cho Ngân hàng giám sát hàng tháng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ tối thiểu là: 20.000.000 đồng/quỹ/tháng. Phí hay giá dịch vụ lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

  Phí hay giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

- Giá dịch vụ quản trị và giám sát

  Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ là 0,05% Giá trị Tài sản Ròng một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của vào ngày định giá và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:
  Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0.03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366). Mức giá dịch vụ tối thiểu là 15.000.000 đồng/tháng

  Giá dịch vụ giám sát quỹ = 0.02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366). Mức giá dịch vụ tối thiểu là: 5.000.000 đồng/quỹ/tháng.

  Ghi chú đối với phí hay giá dịch vụ lưu ký, quản trị và giám sát:

- Biểu phí trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) cho từng loại nghiệp vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quanGiá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ do Quỹ VCAMBF chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm:
    - Giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/ tháng và được trả hàng tháng (chưa bao gồm VAT)
    - Giá dịch vụ lập dach sách thực hiện quyền là 1 triệu đồng/lần lập danh sách thực hiện quyền (chưa bao gồm VAT)
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán
- Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ
- Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác
- Thuế đánh trên các phí và các loại lệ phí khác

  Quỹ sẽ thanh toán các khoản giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ; giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát; giá dịch vụ quản trị Quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại phí nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

12. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).
- Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành, và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm

2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

13. Đội ngũ quản lý đầu tư Quỹ

Ông Nguyễn Minh Tùng
Giám đốc Quỹ VCAMBF

Ông Tùng có 25 năm kinh nghiệm liên tục trong ngành ngân hàng và đầu tư tài chính.

Trước khi gia nhập VCAM, ông Tùng làm việc tại EASTSPRING Investments Fund Management Company (Một công ty của Prudential PLC, Anh Quốc), tại đây ông giữ chức vụ Giám đốc Phát triển các sản phẩm quỹ và là thành viên Hội đồng Đầu tư của Quỹ Eastspring Navigator Fund. Ông Tùng còn là Giám đốc Điều hành kiêm Tổng Điều hành Đầu tư của Công ty quản lý quỹ đầu tư Nhân Việt (Tigers Alliance Fund Management, thành viên của Centaurus Capital, London) đầu tư vào thị trường Chứng khoán Việt Nam từ 2009 – 2012. Ông cũng từng đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt từ năm 2007 đến 2009, phụ trách mảng Ngân hàng Đầu tư và Tư vấn Doanh nghiệp giúp thu xếp vốn phát hành riêng lẻ, hợp nhất và tư vấn niêm yết.

Từ 2004 đến 2007, ông Tùng là Giám đốc Đầu tư và Điều hành của Tập đoàn Phát triển Bất động sản Paragon Holding Corporation, tham gia vào việc hoạch định chiến lược đầu tư, huy động vốn và kế hoạch kinh doanh sản phẩm.

Từ 1999 đến 2004, ông Tùng là Quản trị Đầu tư Cao cấp cho Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) thuộc Ngân hàng Thế giới, tham gia vào dự án hỗ trợ và phát triển các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Nhiệm vụ chính là tìm kiếm các cơ hội đầu tư tại các công ty tư nhân Việt Nam, định giá và lập kế hoạch tài chính và thu xếp vốn. Trước đó, ông Tùng đã có 6 năm kinh nghiệm với vai trò Chuyên viên Cao cấp tài trợ doanh nghiệp của Ngân hàng FirstVina Bank (nay là ngân hàng Shinhanbank), ông tham gia vào việc xây dựng và triển khai các sản phẩm ngân hàng, tài trợ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

	Ông có bằng Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh loại ưu của trường Université Libre de Bruxelles (Vương quốc Bỉ) năm 2000. Ông tốt nghiệp cử nhân Thương mại Quốc tế, trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992. Ông Tùng có Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.
Bà Trần Đỗ Quyên **Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ**	Gia nhập VCAM từ năm 2011, bà Đỗ Quyên có kinh nghiệm trong thị trường tài chính và quản trị quỹ đầu tư chứng khoán. Bà đã có kinh nghiệm quản trị các quỹ đầu tư thành viên và quỹ mở của VCAM, bao gồm VCF, VCHF và VCAMBF. Bà đã lấy bằng Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management.

14. Ban Đại diện Quỹ

Danh sách Ban Đại diện Quỹ

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	- Cử nhân ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Chứng khoán Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	- Thạc sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại Học Sydney - Cử Nhân Khoa Học về Kỹ thuật Chế Biến Thực Phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sỹ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	- Cử nhân Thương mại của Đại học Curtin University of Western Australia	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản

		– Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (Australian CPA)	Việt.

15. Cập nhật tình hình Quỹ VCAMBF

a) Kết quả hoạt động

	2016	2017	2018
NAV (đồng)	67.839.106.565	74.816.350.778	74.642.489.329
Số lượng CCQ (cổ phiếu)	5.930.060,19	5.961.553,96	6.351.545,52
NAV/CCQ (đồng)	11.439,87	12.549,81	11.751,86
NAV/CCQ cao nhất trong kỳ (đồng)	12.865,72	13.403,81	12.714,52
NAV/CCQ thấp nhất trong kỳ (đồng)	10.249,09	11.482,60	10.339,97
Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,28%	2,23%	2,18%
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (lần)	1,92	1,58	1,68
Tăng trưởng lũy kế từ khi thành lập(%)	14,40%	25,50%	17,52%
VNI-Index (%)	25,56%	85,87%	68,55%
HNX-Index (%)	11,92%	63,24%	45,59%
Tăng trưởng kể từ đầu năm (%)	5,92%	9,70%	-6,36%
VNI-Index (%)	14,82%	48,03%	-9,32%
HNX-Index (%)	0,20%	45,86%	-10,81%

b) Các chỉ tiêu hoạt động

– Tỷ lệ chi phí hoạt động

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ VCAMBF được duy trì ổn định qua các thời kỳ như trên bảng so sánh.

– Tốc độ vòng quay danh mục

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\text{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100\%}}{\text{2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Tốc độ vòng quay danh mục giảm dần thể hiện thời gian nắm giữ các khoản đầu tư trong danh mục của Quỹ được kéo dài hơn..

c) Kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

– Những quy định về việc phân chia lợi nhuận của Quỹ VCAMBF được quy định tại Mục 10, Phần VI của Bản Cáo bạch này;
– Tới thời điểm 30/09/2018, lợi nhuận gộp thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ lũy kế là 2.000 đồng/Chứng chỉ Quỹ.
Trong năm tài chính 2015, lợi nhuận gộp thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ là 300 đồng/mệnh giá. Tổng số lợi nhuận phân chia cho Nhà Đầu tư là 1.782.351.366 đồng.

Trong năm tài chính 2016, lợi nhuận gộp thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ là 700 đồng/mệnh giá. Tổng số lợi nhuận phân chia cho Nhà Đầu tư là 4.151.042.133 đồng.
Trong năm tài chính 2017, lợi nhuận gộp thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ là 1.000 đồng/mệnh giá. Tổng số lợi nhuận phân chia cho Nhà Đầu tư là 5.961.553.960 đồng.

d) Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

- Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

VII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/10/2006; số 09/GPĐC-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/05/2014.

Trụ sở chính : Phòng 2303, Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 38239909 Fax : +84 28 38246329

Vốn điều lệ : 130.000.000.000 (một trăm ba mươi tỷ) đồng.

a) Tổng quan về Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Thành lập vào cuối năm 2006, VCAM luôn đồng hành cùng các Nhà Đầu tư trong quá trình đi tới thành công. Với đội ngũ nhân lực bản địa có trình độ đẳng cấp quốc tế, cùng ước vọng nhiệt huyết của tuổi trẻ, VCAM phấn đấu trở thành một trong những công ty quản lý Quỹ hàng đầu tại Việt Nam. VCAM đã quản lý 02 (hai) Quỹ đóng trên thị trường là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCF) và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y Tế Bản Việt (VCHF). Tổng giá tài sản quản lý của công ty lên đến gần 80 triệu USD. Hiện tại, song song với việc quản lý quỹ mở Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt, VCAM còn thực hiện đầu tư mạo hiểm vốn trong nước thông qua quỹ Việt Capital Ventures, quản lý danh mục uỷ thác và đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

b) Hội đồng quản trị / Ban lãnh đạo VCAM

Bà Nguyễn Thanh Phượng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên sáng lập của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt (Viet Capital Asset Management – VCAM) và Công ty Chứng khoán Bản Việt (Viet Capital Securities – VCSC). Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), Bà Phượng được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị ngân hàng này từ tháng 2/2012. Trong vai trò thành viên HĐQT, Bà Phượng chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều

hành với mục tiêu đưa Viet Capital trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường.

Bà Phượng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập Viet Capital, Bà giữ vai trò Giám đốc Đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán London.

Bà Phượng tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội). Bà đã hoàn tất chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Genava), Thụy Sĩ.

Ông Cung Trần Việt
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Trước khi được bổ nhiệm, ông là Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích Đầu tư. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ đầu tư Vietnam Holding, Thụy Sỹ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là Giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia TP. HCM. Là thành viên sang lập của Công ty Tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.
Ông Việt tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Sydney đồng thời là Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ).

Ông Phạm Gia Tuấn
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Tuấn từng là Tổng Giám Đốc của Viet Capital Asset Management (VCAM) đồng thời đảm nhiệm Giám đốc điều hành Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), ông Tuấn chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh chung của VCAM và trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Bên cạnh vai trò điều hành VCHF, ông Tuấn còn chịu trách nhiệm quản lý các quỹ đầu tư quốc tế. Ông Tuấn cũng góp phần tham gia hoạch định chiến lược phát triển, quan hệ nhà đầu tư, hoạt động huy động vốn thành

lập quỹ và hiện đang đại diện phần góp vốn của Viet Capital tham gia vào Hội đồng Quản trị của các công ty do Viet Capital đầu tư.

Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital trong giai đoạn 2005-2007, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.
Trước khi gia nhập Viet Capital và VinaCapital, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam.
Ông Tuấn tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành kế toán tại đại học Sydney University of Technology (Australia) và hiện đang là Hội viên cao cấp của hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (FCPA Australia).

Ông Nguyễn Hoàng Bảo
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry) hiện là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, công nghệ, truyền thông và viễn thông tại Việt Nam từ năm 2004.
Trước khi gia nhập IDGVV, Ông từng là cộng sự của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York, trường Đại học Y khoa Harvard và Bệnh viện Northwestern Memorial. Ông cũng là thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald's tại Việt Nam.
Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty cổ phần Vật Giá, Công ty cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.
Ông tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh Đại học Harvard, Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Kellogg School

	of Management - Hoa Kỳ.
Ông Phạm Hợp Phố *Thành viên Hội đồng quản trị*	Ông Phố hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Ông phụ trách các dự án Private Equity M&A của Công ty. Ông có 11 năm kinh nghiệm làm việc tại quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phố giữ chức vụ Phó Chủ Tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net, chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhacCuatui.com, Webtretho.com... Trước đó ông có 5 năm là Cố Vấn Cấp Cao Công Nghệ Thông Tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại Học Nam Cali, Hoa Kỳ. Ông tốt nghiệp Thạc Sỹ, Quản Trị Hành Chính Công (MPA), chuyên ngành "Quản Trị Công Nghệ Thông Tin" (IT Management Emphasis) và học Cử Nhân Khoa Học Máy Tính và Quan Hệ Quốc Tế, trường Đại Học Nam California (University of Southern California), Hoa Kỳ..

c) Hội đồng Đầu tư

Hội đồng đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm 04 (bốn) thành viên, là các chuyên gia trong hoạt động đầu tư. Hội đồng Đầu tư có chức năng phê duyệt các khoản đầu tư và thoái vốn của Quỹ.

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch Hội đồng Đầu tư
2	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng Đầu tư
3	Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng Đầu tư
4	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên Hội đồng Đầu tư

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý Quỹ

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của VCAM

Thành lập từ năm 2006, VCAM là một trong số những công ty quản lý Quỹ ra đời đầu tiên ở Việt Nam. Với số vốn điều lệ ban đầu 8 tỷ đồng, trải qua hơn 10 năm phát triển, VCAM đã tăng quy mô vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng, thực hiện quản lý 03 Quỹ đầu tư nội địa, đầu tư vốn mạo hiểm nội địa, cùng các danh mục uỷ thác đầu tư. Với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, VCAM trở thành công ty quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chuyên nghiệp. Qua quá trình hoạt động, VCAM đã đạt được một số kết quả như sau:

(tỷ đồng)	2013	2014	2015	2016	2017	2018

Vốn điều lệ	150.0	130.0	130.0	130.0	130.0	130.0
Tổng tài sản	182.5	159.6	154.3	160	179.6	196.2
Doanh thu từ hoạt động quản lý Quỹ	40.2	23.9	23.02	28.7	40	41.1
Lợi nhuận sau thuế	21.19	1.45	3.9	5.01	17.4	10.4

VIII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.
- Trụ sở chính: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại:+84-28-38218812 Fax : +84-28-39144714
- Lĩnh vực hoạt động chính: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

IX. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Quỹ.

X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ bao gồm:

- **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**
  - **Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh**

    Địa chỉ: Phòng 2303, Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

    Website: www.vietcapital.com.vn
- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt**
  - **Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh**

    Địa chỉ: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
  - **Chi nhánh tại Hà Nội**

    Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Capital, 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

    Website: www.vcsc.com.vn

XI. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức được ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Dịch vụ ủy quyền bao gồm: Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư
- Địa chỉ trụ sở chính: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

  Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.
- Lĩnh vực hoạt động chính: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật .
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ quản trị Quỹ:
  - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
  - Lập báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
  - Thực hiện xác định Giá trị tài sản ròng ("GTTSR") của Quỹ và GTTSR trên một đơn vị dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức được ủy quyền: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- Dịch vụ ủy quyền bao gồm: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
  - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ gửi cho các Đại lý phân phối;
  - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính.
  - Thực hiện các dịch vụ theo hợp đồng giữa Trung tâm Lưu ký và Công ty quản lý quỹ
- Chi phí cho các dịch vụ được ủy quyền gồm giá dịch vụ quản trị Quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định chi tiết tại Mục 11, Phần VI Bản cáo bạch này.

XII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ VCAMBF

Điều lệ Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt gồm có 15 Chương, 69 Điều và 04 Phụ lục, được tóm tắt như sau:

1. Chương I: Các điều khoản chung

Chương này bao gồm các thông tin về Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; nguyên tắc tổ chức của Quỹ; tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán; thông tin về đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

2. Chương II: Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

Chương II quy định mục tiêu, chiến lược và lĩnh vực đầu tư, những hạn chế đầu tư và phương pháp lựa chọn đầu tư. Những nội dung này cũng được đề cập cụ thể tại mục 1, 2, 3, 4, 5 Phần VI Bản cáo bạch. Các quy định trong hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ của VCAMBF cũng được phản ánh tại Điều 10 Chương II Điều lệ Quỹ.

3. Chương III: Nhà Đầu tư, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Chương này gồm bảy (07) điều quy định các vấn đề liên quan đến Nhà Đầu tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và các quy định về giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mua lại một phần, tạm dừng giao dịch, giá phát hành và giá mua lại, thừa kế Chứng chỉ Quỹ.

- Nhà Đầu tư của Quỹ bao gồm pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- Nhà Đầu tư có quyền hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ; hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ; yêu cầu Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ; tham dự, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư, mỗi Đơn vị Quỹ có một phiếu biểu quyết; và các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.
- Nhà Đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Điều lệ Quỹ; chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; thanh toán đầy đủ tiền mua số Đơn vị Quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư có thể lưu trữ bằng văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ chính phải có đầy đủ thông tin về tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ; thông tin về Nhà Đầu tư; số tài khoản; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài); số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu. Tại mọi thời điểm, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư.
- Các quy định liên quan đến giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chi tiết tại Điều 15 Điều lệ Quỹ.

4. Chương IV: Đại hội Nhà Đầu tư

Chương này gồm năm (05) điều, quy định các nội dung liên quan đến Đại hội Nhà Đầu tư, cùng quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư, thể thức tiến hành Đại hội Nhà Đầu tư và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

- Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ; được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Đại hội Nhà Đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập; dưới hình thức họp thường niên hoặc bất thường. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về hai (02) vấn đề "Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của

Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát" và "Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ", Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp.

- Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong trường hợp: xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ hoặc theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội.
- Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư như trên phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

- Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát;
- Thông qua các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; tăng mức giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
- Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
- Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tách Quỹ;
- Giải thể Quỹ;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- Các quyền khác theo quy định tại Điều 85 Luật chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà Đầu tư

- Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành đại hội.
- Nhà Đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà Đầu tư hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội Nhà Đầu tư và phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo pháp luật.
- Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.
- Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

- Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
- Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
    - Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
    - Phát hành phiếu hỏi ý kiến có đầy đủ nội dung
    - Gửi phiếu hỏi ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà Đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà Đầu tư và UBCKNN tối thiểu mười lăm (15) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.
    - Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng Giám sát và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

- Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.
- Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- Đối với các nội dung quy định về vấn đề "Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát" và "Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ", (ngoại trừ nội dung thay đổi Công ty Quản lý Quỹ), Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- Đối với nội dung thay đổi công ty quản lý Quỹ, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:
    - Được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
    - Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định trên không ít hơn bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
- Trường hợp lấy ý kiến đại hội Nhà Đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.
- Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà Đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ.

5. Chương V: Ban Đại diện Quỹ và Hội đồng Đầu tư

Chương này gồm bảy (07) điều, quy định các nội dung cơ bản về Ban Đại diện Quỹ như: số lượng thành viên Ban Đại diện Quỹ, cơ cấu, thành viên Ban Đại diện Quỹ; tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ; thủ tục điều hành và hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ.

- Ban Đại diện Quỹ đại diện cho Nhà Đầu tư, do Nhà Đầu tư bầu ra với số lượng từ ba (03) đến sáu (06) thành viên, trong đó ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau: Có đủ năng lực hành vi dân sự; là Nhà Đầu tư cá nhân hoặc người đại diện theo uỷ quyền của nhóm Nhà Đầu tư tổ chức sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong trường hợp không phải là thành viên độc lập; có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh Quỹ đầu tư.
- Ban Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu tư, bao gồm: Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch; quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra, sẽ triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; lập kế hoạch hoạt động và theo dõi quá trình thực hiện quyết định của Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập Ban Đại diện Quỹ dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, được tổ chức ít nhất mỗi quý một (01) lần. Cuộc họp được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua. Nội dung cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
- Thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư khi có hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

6. Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ

Chương này gồm bốn (04) điều, quy định các nội dung về tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

- Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát;
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác Quản lý Quỹ;
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

- Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm có nghĩa vụ hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà Đầu tư; quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cùng như các tài sản khác của Quỹ; thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ. Ngoài ra, Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đầy đủ năng lực, cơ cấu phù hợp để hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà Đầu tư, Pháp luật và các thông lệ quốc tế tốt nhất.
- Công ty Quản lý Quỹ có quyền lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các quy định tại Điều lệ Quỹ, có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư (trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ);
  - Trong trường hợp này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản giá dịch vụ (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này, theo biểu giá dịch vụ như sau:
    - 2% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là trước 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động;
    - 1,5% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.
  - UBCKNN thu hồi Giấy phép quản lý quỹ;
  - Sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty Quản lý Quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, các khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Đồng thời, Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ; không sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác.

7. Chương VII: Ngân hàng Giám sát

- Chương này gồm năm (05) điều, quy định tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, hoạt động lưu ký tài sản quỹ của Ngân hàng Giám sát, hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát.
- Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
  - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
  - Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Ngân hàng Giám sát tại bất kỳ thời điểm nào phải luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư Quỹ; đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; quản lý tách biệt tài sản của Quỹ và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ; thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ; thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư; chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng.
- Ngân hàng Giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính trong và ngoài nước có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký phụ để lưu ký các tài sản trong nước và ngoài nước của Quỹ với điều kiện tổ chức lưu ký phụ phải là thành viên lưu ký theo quy định pháp luật, thực hiện lưu ký trên cơ sở hợp đồng giữa Ngân hàng Giám sát và tổ chức lưu ký phụ; Ngân hàng Giám sát phải có đầy đủ thông tin về tất cả mọi tài sản thuộc sở hữu của Quỹ.
- Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát, bao gồm việc định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp và việc xác định giá trị tài sản ròng; kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản của Quỹ đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- Ngân hàng Giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
  - Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;
  - Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc đại hội thành viên của Quỹ;
  - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế.

8. Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương này gồm năm (05) Điều, nêu rõ các phạm vi được ủy quyền, tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, chấm dứt ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ được phép ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.

9. Chương IX: Đại lý phân phối

Chương này gồm bốn (04) Điều, quy định các tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối; hoạt động của Đại lý Phân phối; quyền và nghĩa vụ, các trường hợp chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối. Theo đó, điều kiện lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ là:

- Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ.
- Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.
- Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.

10. Chương X: Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

Chương này gồm năm (05) Điều, quy định các tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán; quy định về năm tài chính và chế độ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác.

- Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Quỹ.
- Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
  - Được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các Quỹ đầu tư chứng khoán; và
  - Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
  - Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
- Một năm tài chính có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính

từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

- Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

11. Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Chương này gồm năm (05) điều, quy định các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ.

Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và Ngân hàng Giám sát xác nhận phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá.

Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ được căn cứ vào hướng dẫn định giá tại Sổ tay định giá do Công ty Quản lý Quỹ lập, được Ngân hàng Giám sát chấp nhận và Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu tư trong thời hạn tối đa ba (03) ngày kể từ ngày định giá và được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn nếu thiệt hại từ 1% Giá trị tài sản ròng trở lên.

12. Chương XII: Lợi nhuận, chi phí quản lý và phân phối lợi nhuận

Chương này gồm bốn (04) Điều, quy định nguyên tắc, hình thức phân phối lợi nhuận và các chi phí quản lý của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất dã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định). Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ.

Các chi phí do Nhà Đầu tư trả và các chi phí do Quỹ trả được quy định chi tiết tại Điều 60 và Điều 61 Điều lệ Quỹ.

13. Chương XIII: Tái cơ cấu Quỹ

Chương này gồm ba (03) Điều, quy định các điều kiện hợp nhất, sáp nhập, tách Quỹ và giải thể Quỹ.

- Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định; được Đại hội Nhà Đầu tư và UBCKNN chấp thuận.
- Việc tách Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định; được Đại hội Nhà Đầu tư và UBCKNN chấp thuận. Việc tách Quỹ thực hiện trong trường hợp cụ thể:

- Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Các sự kiện khác do UBCKNN xét thấy là cần thiết.

- Việc thanh lý, giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và tiến hành trong các trường hợp sau đây:
  - Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
  - Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
  - Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
  - Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng.

14. Chương XIV: Giải quyết các xung đột về lợi ích

Chương này gồm một (01) Điều, quy định các nguyên tắc giải quyết xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải hành động một cách công bằng đối với tất cả các Quỹ và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro để giám sát xung đột lợi ích.

15. Chương XV: Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chương này gồm bốn (04) Điều, quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư; sửa đổi, bổ sung và đăng ký Điều lệ. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà Đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, và các báo cáo khác bán niên và hàng năm khác theo quy định của pháp luật.

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua, ngoại trừ việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý; lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ quỹ.

Ngoài ra, Điều lệ Quỹ có bốn (04) Phụ lục:

- Phụ lục 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ
- Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng Giám sát
- Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

- Phụ lục 4: Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng và Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ

XIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ VCAMBF và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ được thực hiện dựa trên những điểm sau:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIV.CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

- Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối; hoặc
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu Quỹ, gồm bản cáo bạch, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, và các báo cáo khác bán niên và hàng năm khác theo quy định của pháp luật.Các tài liệu này được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà Đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định trên.

Trường hợp Nhà Đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

XV. QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt hoặc các đại lý phân phối trong giờ làm việc.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà đầu tư qua số điện thoại (84.28) 38239909, máy lẻ 116 hoặc gửi email tới địa chỉ : info@vietcapital.com.vn.

XVI. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

NGUYỄN MINH TÙNG
Giám đốc Quỹ

PHỤ LỤC 1 : CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Kinh tế và môi trường đầu tư năm 2018

GDP cả năm 2018 đạt 7,08%, cao nhất trong vòng 11 năm qua

- GDP quý IV/2018 tăng 7,31% với mức tăng cao nhất thuộc khu vực công nghiệp & xây dựng (+8,65%), tiếp theo là khu vực dịch vụ (+7,61%) và nông, lâm nghiệp, thủy sản (+3,9%).
- Mặc dù tỷ lệ tăng trưởng này thấp hơn so với cùng kỳ 2017 (+7,31%) nhưng cao hơn quý IV các năm 2011-2016.
- GDP cả năm 2018 đạt 7,08%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây, trong đó khu vực công nghiệp & xây dựng vẫn là động lực tăng trưởng chính, đóng góp 48,6% vào mức tăng trưởng chung.

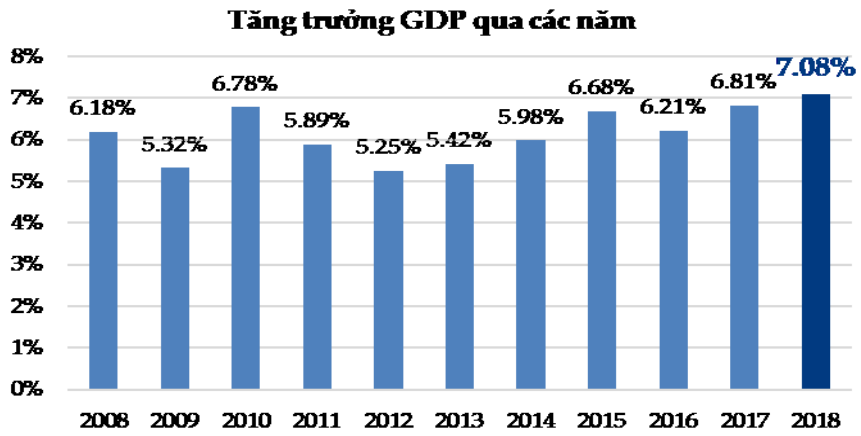

CPI bình quân được kiểm soát dưới 4%

- Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 – xấp xỉ gần bằng mức lạm phát năm 2017 và dưới mục tiêu Chính phủ đề ra.
- Mức tăng CPI bình quân này đạt được trong bối cảnh giá các mặt hàng do Chính phủ quản lý đã được điều chỉnh gần hết, gồm có: giá dịch vụ y tế, khám chữa bệnh (+13,86%); giá dịch vụ giáo dục (+7,12%) và tăng lương tối thiểu vùng cho người lao động.

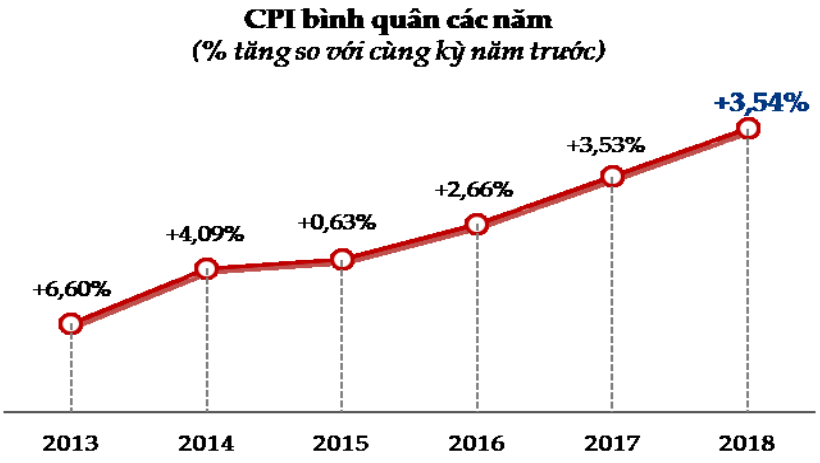

Giải ngân vốn FDI tiếp tục ghi nhận kỷ lục mới

- Tổng vốn FDI đăng ký, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài là 35,46 tỷ USD, giảm nhẹ 1,2% so với năm 2017.
- Vốn FDI giải ngân năm 2018 đạt 19,10 tỷ USD, chính thức vượt qua mức 17,5 tỷ USD của năm 2017 và ghi nhận tăng trưởng 9,1%.
- Công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục là ngành thu hút FDI mạnh mẽ nhất với 16,58 tỷ USD, chiếm 46,7% tổng vốn đầu tư đăng ký

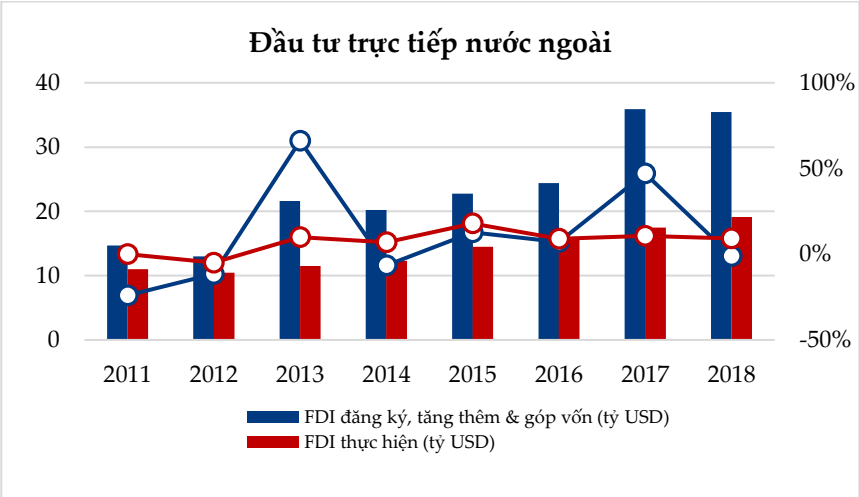

Xuất siêu kỷ lục

- Tính hết năm 2018, tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt hơn 482 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2017; trong đó cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng chậm hơn mức tăng kỷ lục của năm 2017 (+21%). Cụ thể, cán cân thương mại nghiêng về xuất khẩu (+14,5% so với năm trước) trong khi nhập khẩu tăng chậm hơn (+12,5%) dẫn đến mức thặng dư 7,2 tỷ USD.
- Với giá trị này, năm 2018 là năm thứ ba liên tiếp đánh dấu Cán cân thương mại duy trì trạng thái xuất siêu với mức thặng dư cao nhất.

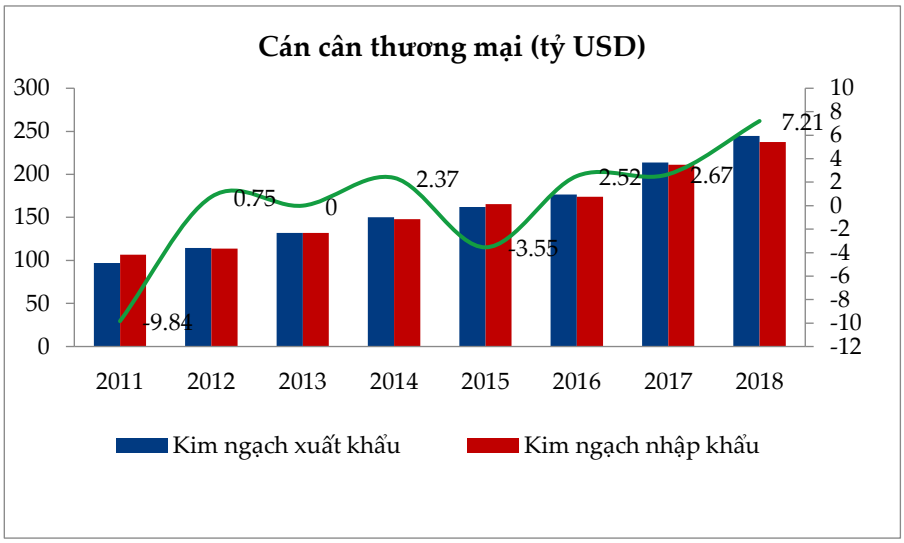

Tăng trưởng tín dụng thấp nhất trong vòng 04 năm

- Tăng trưởng tín dụng đến cuối năm 2018 đạt mức 14%, thấp hơn mục tiêu 17% đã đề ra và cũng là mức thấp nhất ghi nhận được kể từ năm 2013 (+12,52%).
- Cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tích cực với sự ưu tiên dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tín dụng cho lĩnh vực thương mại dịch vụ đứng đầu với mức tăng trưởng 16%, tín dụng cho lĩnh vực công nghiệp xây dựng tăng 12,1%; tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp tăng hơn 8,8%.
- Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các ngân hàng đến cuối năm 2018 còn 1,89%, giảm so với 2,46% cuối năm 2016 và 1,99% cuối năm 2017. Đây cũng là mức thấp nhất của tỷ lệ nợ xấu ghi nhận được kể từ năm 2012 – thời điểm nợ xấu ngân hàng bắt đầu được nhận diện đầy đủ theo các tiêu chuẩn phân loại nợ.
- Đồng thời, dự phòng rủi ro tín dụng cuối năm 2018 tăng khoảng 30,1% so với cuối năm 2017, đưa tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng nợ xấu cải thiện lên mức 78,2% so với mức 65,4% của cuối năm 2017.

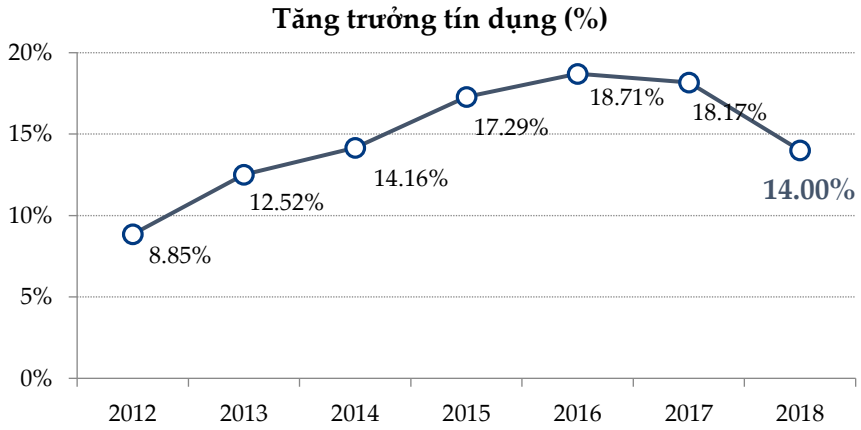

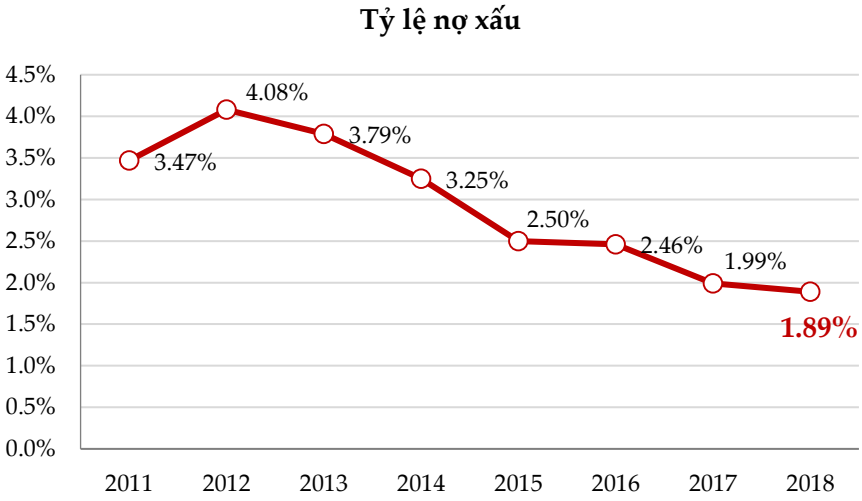

Tỷ giá được kiểm soát thành công

- Trước sự lạc quan về triển vọng kinh tế Mỹ, FED chính thức nâng lãi suất lần thứ 3 vào ngày 26/09/2018 lên mức 2,25% và lần thứ 4 vào ngày 19/12/2018 lên mức 2,5%. Tính đến cuối năm 2018, Fed đã có 9 lần tăng lãi suất kể từ tháng 12/2015.
- Tính chung cả năm 2018, VND mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD, thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%, 5,7% và 5,4%.
- Chênh lệch giữa lãi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam và Mỹ đã giảm xuống mức thấp kỷ lục trong Q2.2018 và được nới rộng đáng kể trong Q3 và Q4.2018 dưới sức ép của việc Fed thắt chặt chính sách tiền tệ.

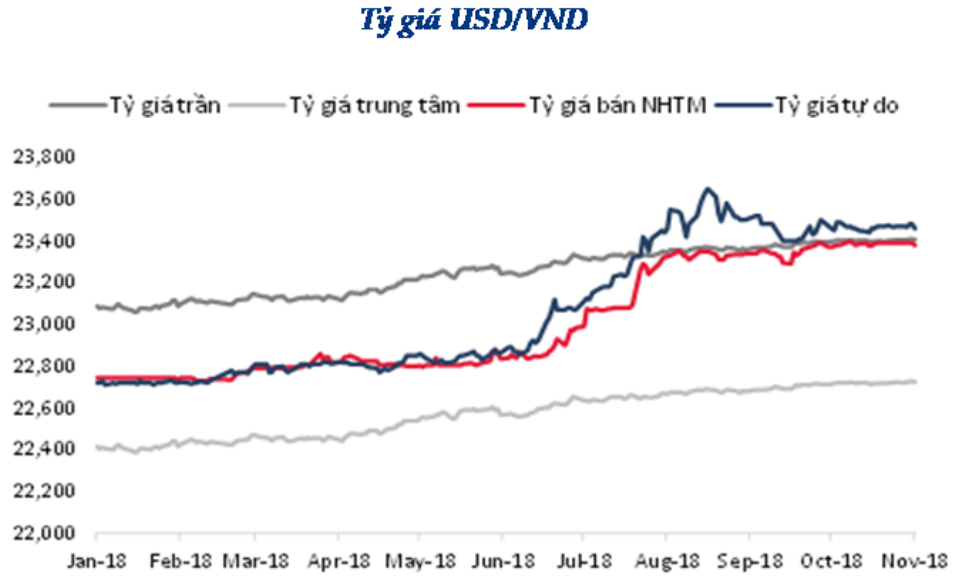

Chênh lệch lợi suất trái phiếu Việt Nam – Mỹ

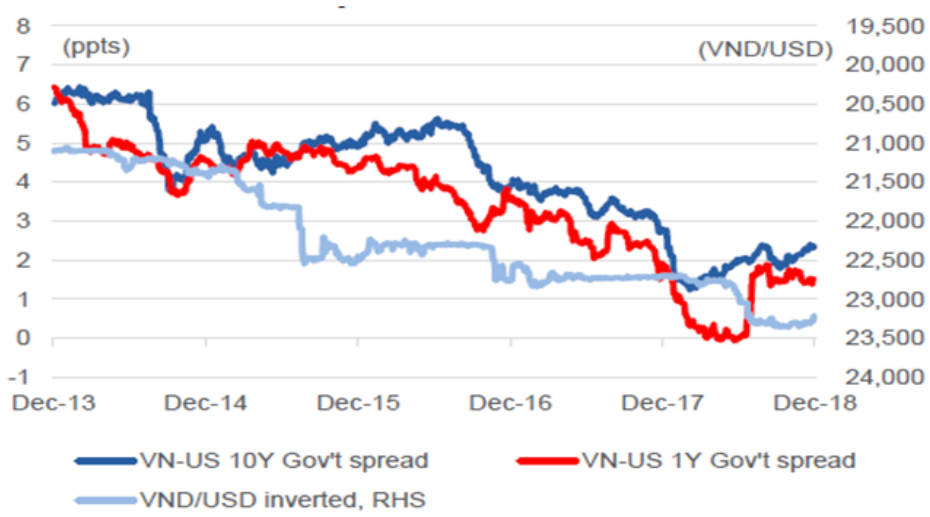

	Chỉ tiêu/sự kiện	Chi tiết	Ảnh hưởng hiện tại	Mức độ ảnh hưởng
Kinh tế thế giới	FED	Fed tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018 nâng lãi suất cho vay lên thành 2,5%	Tiêu cực	Cao
	Giá dầu	Sau khoảng thời gian tăng mạnh lên mức trên 80USD/ thùng, giá dầu Brent đảo chiều trong quý 4 còn hơn 56USD/ Thùng)	Tích cực hoặc tiêu cực tuỳ thuộc ngành nghề	Trung bình
	Thương mại quốc tế	Chiến tranh thương mại giữa Mỹ -Trung Quốc đang có dấu hiện hạ nhiên khi chính quyền Mỹ và Trung Quốc có khả năng đạt được thỏa thuận vào đầu năm 2019. Mỹ chính thức áp thuế 25% lên 34 tỷ USD hàng hóa từ Trung Quốc từ ngày 06/07/2018 và 16 tỷ USD từ ngày 23/08/2018	Tiêu cực	Trung bình
Kinh tế Việt Nam	GDP	GDP năm 2018 đạt mức tăng 7,08% cao nhất kể từ năm 2008	Tích cực	Cao
	Lạm phát	Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,54% trong năm 2018	Tiêu cực	Trung bình
	FDI	Vốn FDI thực hiên tăng 9% so với năm ngoái	Tích cực	Cao
	Tăng trưởng tín dụng	Tăng trưởng tín dụng thấp hơn cùng kỳ đạt 14% với định hướng nâng cao chất lượng	Tích cực	Cao
	Lãi suất	Lãi suất chạm đáy từ tháng 04 và thể hiện xu hướng tăng rõ nét	Tích cực	Trung bình
	Cán cân thương mại	Cán cân thương mại suất siêu 7.2 tỷ USD	Tích cực	Cao

Tỷ giá	Tỷ giá duy trì xu hướng tăng.		Tiêu cực	Cao

2. Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2018

VNIndex đóng cửa tại 892,54 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017

- Thị trường chứng khoán năm 2018 trải qua nhiều biến động mạnh với sự xuất hiện của các yếu tố trong nước và quốc tế trọng yếu tác động đến tâm lý nhà đầu tư.
- VNIndex chính thức vượt đỉnh 1.170 điểm đạt được vào năm 2007 với dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn vào tháng 04.2018, đưa VNIndex trở thành chỉ số chứng khoán tăng mạnh nhất thế giới (+22%). Tuy nhiên, trước các diễn biến bất lợi từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, FED tăng lãi suất, VNIndex đã điều chỉnh mạnh và chạm đáy 893,16 điểm vào ngày 11/07/2018, sau đó liên tục thử thách vùng 900 điểm trong suốt quý III và IV. Với mức giảm 9,3% của VNIndex, P/E của thị trường chứng khoán Việt Nam điều chỉnh từ mức 18,9x đầu năm về 15,6x.
- Động lực nâng đỡ tâm lý thị trường trong các tháng cuối năm 2018 phải kể đến sự quay trở lại của khối ngoại với mức mua ròng cao nhất trên HOSE hơn 9.300 tỷ trong tháng 10. Ngược lại trên HOSE, HNX ghi nhận xu hướng bán ròng trong Quý cuối cùng của năm, cao nhất trong tháng 12 với 861 tỷ chủ yếu do hoạt động bán cục bộ tại VCG.

Diễn biến của VNIndex năm 2018
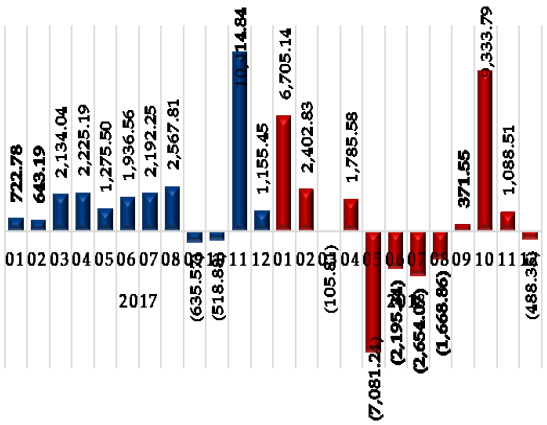
Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN 2018 (tỷ đồng)